

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2022/DS-PT

Ngày: 08/7/2022

V/v “Tranh chấp quyền sử  
dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Văn Tỉnh

Ông Phạm Văn Ngọt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2022/DS-ST ngày 05 và 08 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 123/2022/QĐPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Ngô Thị X, sinh năm 1957;

Cư trú tại: Ấp Đ, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Thị X là:* Ông Ngô Văn C, sinh năm 1974, cư trú tại: Ấp Đ, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Ngô Thị T, sinh năm 1961;

Cư trú tại: Ấp Đ, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Thị T là:* Anh Phạm Quốc V, sinh năm 1988, cư trú tại: Ấp A, xã B3, huyện N2, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

1. Ông Ngô Văn E, sinh năm 1976;

2. Bà Trần Thị D, sinh năm 1976;

Cùng cư trú tại: Ấp Đ, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị D là: Ông Ngô Văn E.*

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị N, sinh năm 1964;

2. Bà Ngô Thị Y, sinh năm 1967;

Cư trú tại: Ấp Đ, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Ông Ngô Văn C, sinh năm 1974;

4. Ông Ngô Văn D, sinh năm 1982 (Bị mất năng lực hành vi dân sự);

5. Chị Ngô Thị Kim U, sinh năm 2001;

Cùng cư trú tại: Ấp Đ, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị Ngô Thị Kim U là: Ông Ngô Văn E.*

6. Bà Ngô Thị Ô, sinh năm 1970;

Cư trú tại: Ấp X, xã B1 B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

7. Bà Ngô Thị T1, sinh năm 1979;

Cư trú tại: Ấp G, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Thị T1 là: Anh Phạm Quốc V, sinh năm 1988, cư trú tại: Ấp A, xã B3, huyện N2, tỉnh Bến Tre.*

- *Người kháng cáo:* Bà Ngô Thị X, Ngô Thị T là nguyên đơn; ông Ngô Văn E là bị đơn; bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị T1, ông Ngô Văn C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2019, cùng các lời khai trong quá trình tố giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ngô Thị X, bà Ngô Thị T trình bày:*

Cụ Ngô Văn T4 (chết năm 2012) và cụ Lê Thị A2 (chết năm 2019) là vợ chồng, hai cụ có tất cả 09 người con gồm: Ngô Thị X, Ngô Thị T, Ngô Thị N, Ngô Thị Y, Ngô Thị Ô, Ngô Văn C, Ngô Văn E, Ngô Văn D và Ngô Thị T1. Sau khi cụ T4 chết, ngày 15/7/2015 gia đình có họp mặt để phân chia di sản thừa kế của cụ T4 như sau:

- Cụ A2 được nhận phần đất diện tích 6391,9 m<sup>2</sup>, thuộc thửa 387, tờ bản đồ số 10;

- Bà Y nhận phần đất diện tích 986,1m<sup>2</sup>, thuộc thửa 123, tờ bản đồ 15;

- Ông E nhận diện tích 1461,7m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 389, tờ bản đồ số 10;

- Bà T1 nhận diện tích 1259 m<sup>2</sup>, thửa 407, tờ bản đồ số 10; các phần đất này cùng tọa lạc tại: Ấp Đ, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre và tất cả đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 29/01/2016, ông E và bà D đã dụ dỗ cụ A2 (vì mắc bệnh tuổi già không còn minh mẫn) ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 6391,9 m<sup>2</sup>, từ cụ A2 sang cho ông E và bà D mà tất cả anh chị em đều không hay biết. Ông E và bà D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/4/2016.

Sau khi phát hiện sự việc, hai bà và các anh chị em có làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã N giải quyết và được đưa ra hòa giải. Tại buổi hòa giải ngày 01/9/2016 của Ủy ban nhân dân xã N ông E thừa nhận việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ A2 với ông E, bà D là không phù hợp vì khi đó cụ A2 không còn minh mẫn nên đồng ý chuyển quyền giao trả lại phần đất có diện tích 6391,9 m<sup>2</sup>, thuộc thửa 387, tờ bản đồ số 10 cho cụ A2, kèm theo biên bản họp gia đình để xác nhận nội dung thỏa thuận nêu trên nhưng sau đó ông E vẫn không thực hiện.

Ngày 19/9/2018, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tuyên bố cụ A2 là người mất năng lực hành vi dân sự. Ngày 14/01/2019, bà X có khởi kiện yêu cầu ông E giao trả lại phần đất cho cụ A2, tuy nhiên trong thời gian giải quyết vụ án cụ A2 đã qua đời. Sau đó, tất cả những người con của cụ A2 có gửi đơn đến Tòa án nhờ giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ A2. Tại buổi hòa giải ngày 12/11/2019 đã đi đến thỏa thuận: Ông E, bà D đồng ý cùng bà X và bà T liên hệ cơ quan chức năng tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông E và bà D cho bà X và bà T đứng tên phần của cụ A2 là 3253,1m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 378 (ký hiệu 378A1 và 378A2), tờ bản đồ số 10. Với mục đích đây là phần tài sản của ông Ngô Văn D (do ông D bị bệnh tâm thần bẩm sinh nên tất cả anh chị em thống nhất là để các bà đại diện đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để nuôi ông D). Phần đất còn lại thuộc thửa ký hiệu 387B - 387C, thống nhất để cho ông E và bà D tạm sử dụng nên đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau đó ông E tiếp tục không thực hiện theo biên bản ngày 12/11/2019 với lý do là để ông tự nuôi ông D và không đồng ý tách sổ ra.

Nay bà X, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết chia phần đất có diện tích 3253,1m<sup>2</sup>, trong đó: 150m<sup>2</sup> thổ cư, thuộc một phần thửa 387 (ký hiệu 378A1 và 378A2), tờ bản đồ số 10 cho bà X, bà T đại diện nhận để giữ phần đất của cha mẹ để lại nuôi ông D vì đây là phần đất của ông D được hưởng, đồng thời yêu cầu sẽ là người giám hộ cho ông D. Ngoài ra, bà X và bà T không yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho giữa cụ A2 với ông E và bà D và cũng không yêu cầu chia tài sản thừa kế cụ A2 để lại trong vụ án này, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Bà X, bà T thống nhất biên bản định giá tài sản ngày 12/9/2019 không yêu cầu định giá tài sản đối với ngôi nhà diện tích 119,6m<sup>2</sup> là tài sản của cụ T4 và cụ

A2 vì đây là di sản thờ cúng nên không yêu cầu phân chia. Đối với căn nhà của ông E diện tích 57,4 m<sup>2</sup> và hai cống nước trên phần đất nêu trên ông E hứa tự di dời. Đối với phần đất còn lại diện tích 2108m<sup>2</sup> thuộc thửa 387B và thửa 387C diện tích 798,5m<sup>2</sup> bà X, bà T cùng tất cả anh chị em thống nhất để cho ông E và bà D tạm sử dụng, trên đất có một số cây trồng trên đó nhưng không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn Ngô Văn E, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Kim U trình bày:*

Ông E sống chung với cụ A2 cho đến khi cụ qua đời vào năm 2016; trong lúc cụ A2 vẫn còn minh mẫn nên có làm thủ tục tặng cho vợ chồng ông phần đất có diện tích 6391,9m<sup>2</sup>, thuộc thửa 387, tờ bản đồ số 10, được Ủy ban nhân dân xã chứng thực và ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2019 thì cụ A2 chết. Khi cụ A2 còn sống thì ông cùng bà D, cụ A2, ông D sống chung với nhau (ông D bệnh tâm thần, khi mẹ chết thì do ông chăm sóc cho D). Trước đây, ông có đồng ý cắt chia phần ăn cho ông D phần đất thuộc thửa ký hiệu 387A (gồm ký hiệu 378A1 và 378A2), nhưng sau đó ông không đồng ý vì hiện nay ông D vẫn do ông nuôi dưỡng, do đó phần đất của ông D được hưởng phải do ông quản lý. Hiện tại gia đình ông đang ở nhà mục nát cần phải làm lại nhà mới nên xây trên phần đất tranh chấp thuộc thửa ký hiệu 387A (thửa đất dự kiến cho ông D).

Theo yêu cầu của bà X, bà T thì ông đồng ý cắt ½ phần đất ông đang đứng tên quyền sử dụng đất cho ông D nhưng không đồng ý để bà X, bà T đại diện đứng tên quyền sử dụng đất thay ông D vì bà X không trực tiếp nuôi dưỡng và cũng không có điều kiện tốt để chăm sóc, nuôi dưỡng ông D được. Ông đồng ý để bà X với bà Ô hoặc bà X với ông đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thay ông D. Vì từ khi cụ A2 chết năm 2019, ông vẫn chăm lo cho ông D đầy đủ, nay ông chỉ đồng ý cắt cho ông D phần đất ký hiệu 387A1 và thửa 387B và chừa ra một đường đi rộng 2m, chiều cao không giới hạn theo hoạ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 21 tháng 3 năm 2022 để làm lối đi chung. Ngoài ra, ông không đồng ý để bà X và bà T đại diện đứng tên quyền sử dụng đất và cũng không đồng ý để hai người này làm người giám hộ cho ông D. Vì hai người này không thể nào nuôi dưỡng ông D được. Còn đối với ngôi nhà của ông và cống nước trên thửa đất tranh chấp ký hiệu 387A1 thì ông sẽ tự di dời.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị T1, ông Ngô Văn C trình bày:*

Các ông bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn. Yêu cầu ông E và bà D phải chia cho ông D ½ diện tích đất của mà ông đang đứng chủ quyền (ký hiệu 378A1 và 378A2) nhưng do ông D mất năng lực hành vi dân sự nên đồng ý để bà X cùng bà T đại diện đồng chủ quyền và chăm sóc cho ông D. Bà N, bà T1, ông

C không yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ A2 và ông E và cũng không yêu cầu chia thừa kế phần đất cụ A2 để lại trong vụ án này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Y, bà Ngô Thị Ô trình bày:*

Bà Y, bà Ô thống nhất yêu cầu của ông E và bà D chia cho ông D  $\frac{1}{2}$  diện tích đất do ông E đứng chủ quyền nhưng không đồng ý để bà X và bà T đại diện đứng chủ quyền mà để ông E đại diện đứng chủ quyền và chăm lo cho ông D. Ngoài ông E thì không còn người nào chăm sóc được cho ông D. Các bà không yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ A2 và ông E và cũng không yêu cầu chia thừa kế phần đất cụ A2 để lại.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2022/DS-ST ngày 05 và 08 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định như sau:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị X và bà Ngô Thị T.

Ghi nhận việc ông Ngô Văn E tự nguyện giao thửa 387A1, diện tích 1141,7 m<sup>2</sup> và thửa 387B diện tích 2108,3 m<sup>2</sup> và toàn bộ cây trồng trên đất của 02 thửa đất này (thuộc một phần của thửa 387, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Đ, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre cho ông Ngô Văn D.

Cụ thể tuyên:

Do ông Ngô Văn D là người mất năng lực hành vi dân sự nên để bà Ngô Thị X, bà Ngô Thị T và ông Ngô Văn E đại diện cho ông Ngô Văn D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Ngô Văn E là người đại diện giám hộ cho ông Ngô Văn D và cũng là người trực tiếp quản lý phần đất của ông D để chăm lo cho ông Ngô Văn D, đồng thời thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định của pháp luật.

Buộc ông Ngô Văn E và bà Trần Thị D phải chừa một lối đi có chiều rộng 2m, chiều cao không giới hạn, lối đi bắt đầu từ giáp thửa 370 đến giáp thửa 387A1 (có hoạ đồ kèm theo) trên thửa đất 387A2 do ông Ngô Văn E chủ quyền.

Buộc ông Ngô Văn E, bà Ngô Thị X và Ngô Thị T phải chừa một lối đi trên phần đất thuộc thửa 387A1 và 387B từ giáp thửa 387A2 đến 387C có chiều rộng 2m, chiều cao không giới hạn (có hoạ đồ kèm theo).

Ông Ngô Văn E, bà Trần Thị D, bà Ngô Thị Kim U có nghĩa vụ di dời nhà và cống nước trên thửa 387A1 giao cho ông Ngô Văn E tiếp tục quản lý, ngôi nhà trên thửa 387A1 của cụ A2 (do hàng thừa kế của bà không yêu cầu chia) để làm nhà thờ cúng.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được nhận nêu trên theo quy định của pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ngô Văn E và bà Trần Thị D đối với thửa 387A1 và 387C (thuộc thửa 387) tờ bản đồ số 10 cho bà Ngô Thị X, Ngô Thị T và ông Ngô Văn E đại diện cho ông Ngô Văn D đứng tên quyền sử dụng đất (có hoạ đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/4/2022 bị đơn ông Ngô Văn E kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2022/DS-ST ngày 05 và 08 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 22/4/2022, bà Ngô Thị X, Ngô Thị T là nguyên đơn; bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị T1, ông Ngô Văn C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm với cùng nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 22/4/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐKNPT-VKS-DS ngày 22/4/2022 theo đó kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2022/DS-ST ngày 05 và 08 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, hủy bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Do hủy bản án nên không xem xét kháng cáo của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất có diện tích 3253,1m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 387 (ký hiệu 387A1, 387A2), tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Đ, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc của cụ Ngô Văn T4 và cụ Lê Thị A2, hiện nay do ông Ngô Văn E và bà Trần Thị D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, phía nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất xác định phần đất này là di sản của cụ A2 chết để lại cho ông D. Mặc dù, ngày 29/01/2016 bà A2 có ký hợp đồng tặng cho toàn bộ phần đất bà A2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông E và bà D nhưng việc tặng cho này được các đương sự thừa nhận không phù hợp quy định pháp luật nên ông E và bà D đồng ý chuyển quyền sử dụng đất giao trả lại diện tích 3253,1m<sup>2</sup> cho ông D nhưng đến nay không thực hiện.

Nguyên đơn bà Ngô Thị X và bà Ngô Thị T khởi kiện yêu cầu ông Ngô Văn E giao trả diện tích 3253,1m<sup>2</sup> cho ông Ngô Văn D nhưng để bà X, bà T đại diện đứng tên quyền sử dụng đất với tư cách là người giám hộ của ông D, trong khi ông E cũng yêu cầu được đại diện đứng tên quyền sử dụng đất với tư cách là người giám hộ của ông D. Như vậy, bản chất đây là tranh chấp về việc yêu cầu chỉ định người giám hộ cho ông Ngô Văn D theo Điều 54 Bộ luật Dân sự 2015, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất là không phù hợp.

[2] Theo Quyết định số: 04/2020/QĐST-DS ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện B tuyên bố ông Ngô Văn V (D) là người mất năng lực hành vi dân sự. Tuy nhiên, dù ông D là người mất năng lực hành vi dân sự vẫn có quyền nhận thừa kế, có quyền có tài sản (cụ thể hơn là ông D có quyền đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) nên việc bà X, bà T, ông E hay ai khác yêu cầu được đại diện đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D là không phù hợp quy định pháp luật.

Ông D không có vợ con, cha mẹ ruột đã chết, không có người giám hộ đương nhiên theo quy định tại Điều 53 Bộ luật Dân sự 2015. Do ông D là người mất năng lực hành vi dân sự chưa được yêu cầu Ủy ban nhân dân xã cử người giám hộ hoặc yêu cầu Tòa án chỉ định người giám hộ (nếu có tranh chấp). Hiện nay, chưa có ai là người giám hộ cho ông D; việc nguyên đơn đại diện khởi kiện là không phù hợp quy định điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (người khởi kiện không có quyền khởi kiện).

[3] Theo xác minh của Tòa án thì trước đây ông D sống chung với cụ A2. Sau khi cụ A2 chết năm 2019 thì ông D sống chung với ông E và bà D. Mặc dù, trong Biên bản hòa giải ngày 12/11/2019 của Tòa án cấp sơ thẩm và quá trình giải quyết vụ án ông E thừa nhận phần diện tích đất 3253,1m<sup>2</sup> (ký hiệu 378A1 và 378A2) là phần di sản thừa kế của ông D được nhận từ việc phân chia di sản của cụ

T4 (cha) năm 2016 nhưng cụ A2 và ông E lại thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất này để ông E đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không phù hợp. Mặc dù, sau này trong quá trình khiếu nại của các anh chị em khác thì ông E có hứa sẽ sang tên giao trả lại cho ông D nhưng vẫn không thực hiện và khi vụ án đang được thụ lý giải quyết, ông E lại thực hiện xây dựng nhà trên phần đất được thừa nhận là của ông D, xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D.

Như vậy, theo kháng nghị của V trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B về mặt nội dung cho rằng ông E có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có tư cách đạo đức tốt, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa từng bị kết án về bất kỳ tội gì, có đầy đủ điều kiện của cá nhân làm người giám hộ là chưa xem xét đến các vấn đề liên quan đến việc đảm bảo quyền lợi của người được giám hộ vì người giám hộ phải là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được giám hộ. Trong khi, ông E có quyền và lợi ích đối lập với ông D và việc chỉ định người giám hộ sau này của ông Ngô Văn D cần tránh việc chỉ định người có quyền lợi đối lập với người được giám hộ.

[4] Về thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng:

Trong vụ án này, ông D là người mất năng lực hành vi dân sự được Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không được Tòa án cấp, tổng đạt, triệu tập tham gia phiên tòa là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; lẽ ra trong trường hợp này Tòa án phải hướng dẫn các đương sự cử người giám hộ trước cho ông D, sau khi có người giám hộ thì sẽ cấp, tổng đạt, lấy lời khai và triệu tập người giám hộ tham gia phiên tòa để trình bày ý kiến đối với vụ án này như thế nào; có như vậy mới đúng trình tự thủ tục và giải quyết toàn diện vụ án.

[5] Từ những nhận định trên, do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và người khởi kiện không có quyền khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên hủy bản án dân sự sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án; do hủy bản án sơ thẩm nên không xem xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự bà Ngô Thị X, Ngô Thị T là nguyên đơn; bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị T1, ông Ngô Văn C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị đơn ông Ngô Văn E; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B về việc đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Tổng cộng là 1.858.000 đồng (một triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng) bà Ngô Thị X, bà Ngô Thị T phải chịu và đã nộp xong.

[7] Về án phí:



- Án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho bà Ngô Thị T tiền tạm ứng án đã nộp 6.946.000 đồng (sáu triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007767 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Ngô Văn E tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005099 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho ông Ngô Văn C, bà Ngô Thị T1, bà Ngô Thị N tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số tương ứng 0007552, 0007553, 0007554 cùng ngày 25/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐKNPT-VKS-DS ngày 22/4/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B (về việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án).

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2022/DS-ST ngày 05 và 08 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre và đình chỉ giải quyết vụ án.

3. Về chi phí tố tụng: Tổng cộng là 1.858.000 đồng (một triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng) bà Ngô Thị X, bà Ngô Thị T phải chịu và đã nộp xong.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho bà Ngô Thị T tiền tạm ứng án đã nộp 6.946.000 đồng (sáu triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007767 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Ngô Văn E tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005099 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho ông Ngô Văn C, bà Ngô Thị T1, bà Ngô Thị N tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số tương ứng 0007552, 0007553, 0007554 cùng ngày 25/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Hương**